

Số: **11**/CV-ĐKMT

Hà Nội, ngày **02** tháng **10** năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho dự án  
“Nhà xưởng Techlochem”

**Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp  
thành phố Hà Nội**

Công ty Cổ phần Techlochem là chủ đầu tư của dự án “Nhà xưởng Techlochem”. Theo đánh giá quá trình hoạt động trong giai đoạn ổn định của dự án phát sinh bụi, khí thải phải xử lý dưới 100.000 m<sup>3</sup>/giờ, nước thải sinh hoạt của dự án được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm của đơn vị cho thuê xưởng. Vậy căn cứ theo khoản 3, mục VII, phụ lục IX của Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Văn bản số 2076/CNCCN-XDMT về việc thống nhất thực hiện một số quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các Khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn TP.Hà Nội, dự án thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đăng ký môi trường gửi Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty Cổ phần Techlochem: Lô 49C, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0111063196 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 05 năm 2025, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09 tháng 01 năm 2026.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Techlochem:

Họ tên: PHẠM VĂN HƯỞNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/07/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Chức danh: Giám đốc

Số định danh cá nhân: 036078005974

Số điện thoại liên hệ: 0966630896

Email: techlochemjsc@gmail.com



Công ty Cổ phần Techlochem đăng ký môi trường cho dự án “Nhà xưởng Techlochem”, với các nội dung sau:

## **1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở**

### ***a. Tên dự án đầu tư, cơ sở***

#### **NHÀ XƯỞNG TECHLOCHEM**

### ***b. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư***

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô 49C, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội, Việt Nam (*thuê lại nhà xưởng của Công ty cổ phần Tatico Việt Nam*).

- Diện tích đất sử dụng: 2.430 m<sup>2</sup>

- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

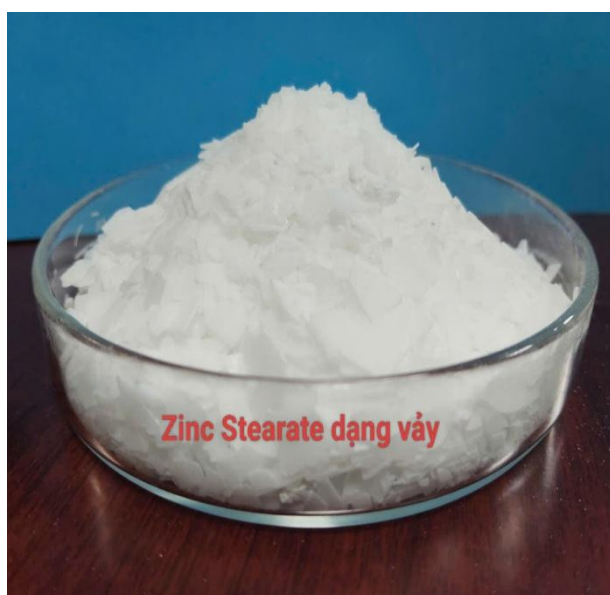
+ Quý III/2026 – Quý IV/2026: Hoàn thành các thủ tục đầu tư cho dự án, cải tạo văn phòng, nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị;

+ Quý IV/2026: Dự án chính thức đi vào hoạt động.

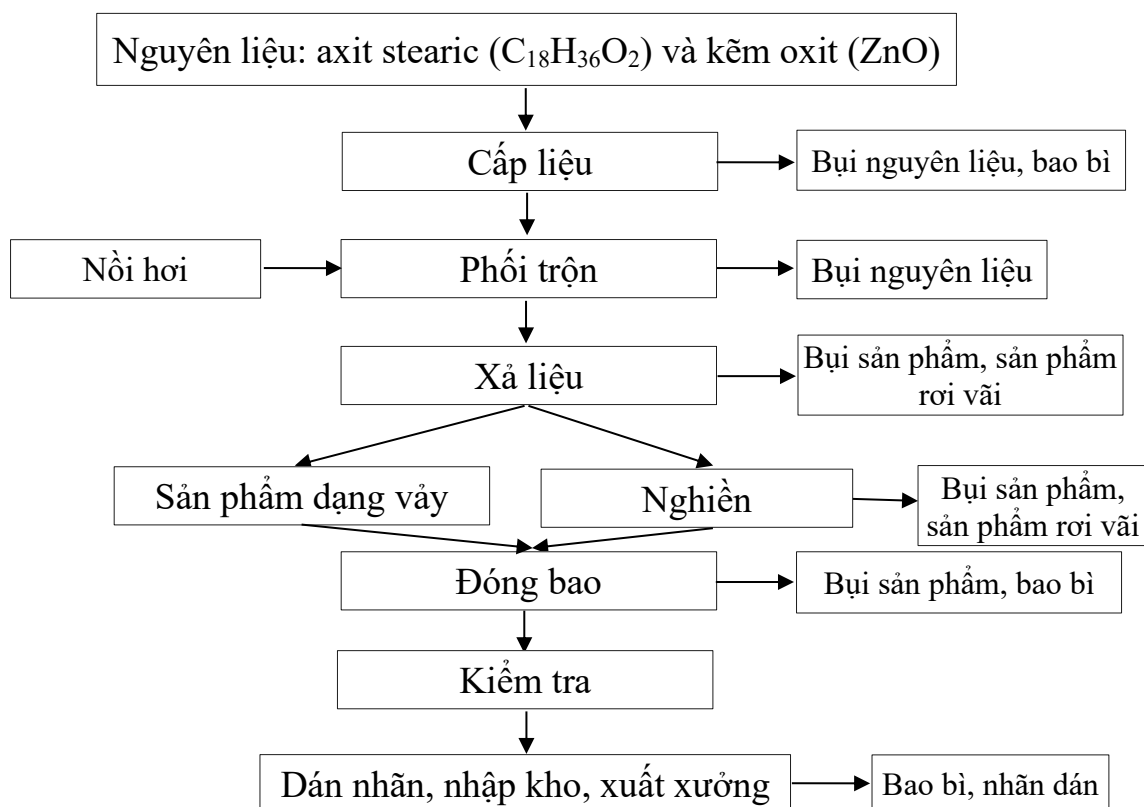
### ***c. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ***

- Mục tiêu và quy mô công suất dự án:

+ Sản xuất Zinc Stearate (kẽm stearat) làm phụ gia, nguyên liệu phục vụ sản xuất nhựa, cao su và các sản phẩm công nghiệp, công suất: 500 tấn/tháng



- Công nghệ, loại hình sản xuất của dự án đầu tư:



**Hình 1. Quy trình sản xuất của dự án**

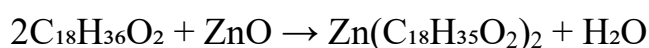
### **Thuyết minh quy trình:**

**Nguyên liệu:** Nguyên liệu sử dụng cho quá trình sản xuất gồm axit stearic (C<sub>18</sub>H<sub>36</sub>O<sub>2</sub>) và kẽm oxit (ZnO). Axit stearic và kẽm oxit được nhập về nhà máy, lưu chứa tại khu vực kho nguyên liệu và được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất. Khi có yêu cầu sản xuất, nguyên liệu được lấy theo định lượng phù hợp với công thức phối liệu của từng mẻ.

**Cấp liệu:** Axit stearic và kẽm oxit sau khi được kiểm tra, định lượng sẽ được cấp vào thiết bị sản xuất theo tỷ lệ quy định. Quá trình cấp liệu được thực hiện tuần tự, đảm bảo đúng chủng loại và khối lượng nguyên liệu cho từng mẻ sản xuất.

**Phối trộn:** Sau khi cấp đủ nguyên liệu, hỗn hợp axit stearic và kẽm oxit được đưa vào thiết bị trộn. Tại đây, hỗn hợp được gia nhiệt và duy trì ở điều kiện nhiệt độ 90°C, thời gian thích hợp theo yêu cầu công nghệ để xảy ra phản ứng tạo thành kẽm stearat (Zinc Stearate).

Phản ứng có thể biểu diễn:



Trong quá trình phối trộn, các thông số như nhiệt độ và thời gian được kiểm soát nhằm đảm bảo phản ứng xảy ra ổn định và sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng.

**Xả liệu:** Sau khi phối trộn và hoàn thành quá trình tạo sản phẩm, hỗn hợp Zinc Stearate được xả ra khỏi thiết bị. Sản phẩm sau xả liệu thu được ở dạng vảy và được thu gom để chuyển sang công đoạn tiếp theo. Tùy theo yêu cầu về kích thước và quy cách của từng loại sản phẩm, sản phẩm được đưa trực tiếp chuyển sang thiết bị nghiền.

**Nghiền:** Sản phẩm sau khi xả được đưa vào máy nghiền để nghiền nhỏ, tạo sản phẩm có kích thước và độ mịn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật. Quá trình nghiền được kiểm soát các thông số vận hành để đảm bảo sản phẩm sau nghiền đồng đều và đạt tiêu chuẩn.

**Đóng bao:** Kẽm stearat sau khi đạt yêu cầu được chuyển đến công đoạn đóng bao. Sản phẩm được định lượng theo khối lượng quy định, sau đó đóng vào bao bì và thực hiện đóng kín miệng bao.

**Kiểm tra:** Sau khi đóng bao, sản phẩm được chuyển đến công đoạn kiểm tra chất lượng (QC). Bộ phận QC tiến hành lấy mẫu và kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng theo yêu cầu của sản phẩm. Sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn dán nhãn, nhập kho; sản phẩm không đạt được phân loại và xử lý theo quy định của nhà máy.

**Dán nhãn, nhập kho, xuất xưởng:** Sản phẩm đạt yêu cầu sau kiểm tra được dán nhãn/tem sản phẩm, ghi nhận các thông tin cần thiết như tên sản phẩm, mã sản phẩm, số lô, khối lượng và các thông tin quản lý khác. Sau đó, sản phẩm được chuyển vào kho thành phẩm để lưu trữ. Khi có yêu cầu giao hàng, sản phẩm được xuất kho và vận chuyển đến khách hàng.

## **2. Nguyên, nhiên liệu, hoá chất sử dụng và các sản phẩm của dự án**

### ***2.1. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của dự án trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị.***

#### ***- Nhu cầu sử dụng nước:***

- + Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước sạch của đơn vị cho thuê xưởng
- + Nước sử dụng cho sinh hoạt:

Dự kiến số lượng lao động tham gia lắp đặt máy móc, thiết bị là 10 người. Theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, định mức nước cấp sinh hoạt của mỗi người tối thiểu là 45 lít /ngày đêm, vậy nhu cầu sử dụng nước của dự án được tính như sau:

$$Q = 10 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 450 \text{ lít/ngày} = 0,45 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

#### ***- Nhu cầu sử dụng điện:***

- + Lượng điện tiêu thụ: Dự kiến lượng điện tiêu thụ trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 20 kWh/ngày.



**- Danh mục máy móc, thiết bị:**

Danh mục máy móc sử dụng trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án:

**Bảng 1. Danh mục máy móc sử dụng trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị**

| STT | Tên thiết bị | Đơn vị | Số lượng | Tình trạng |
|-----|--------------|--------|----------|------------|
| 1   | Xe nâng      | Chiếc  | 02       | HĐBT       |
| 2   | Xe tải       | Chiếc  | 01       | HĐBT       |

Các loại máy móc, thiết bị dự án sử dụng đều là các loại máy móc, thiết bị hiện đại và không nằm trong danh mục cấm sử dụng của Việt Nam.

**2.2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của dự án trong giai đoạn hoạt động**

**Bảng 2. Nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất**

| TT          | Tên vật liệu | Thành phần hoá học, đặc tính                                                                                                                                                                                  | Khối lượng (tấn/tháng) | Nguồn gốc  |
|-------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------|
| 1           | Axit Stearic | Axit béo, khi gia nhiệt sẽ nóng chảy<br>Trạng thái: Chất rắn ở điều kiện thường<br>Màu sắc: Trắng hoặc trắng ngà<br>Mùi đặc trưng nhẹ, không tan hoặc rất ít tan trong nước; tan trong một số dung môi hữu cơ | 420,02                 | Indonesia  |
| 2           | Kẽm oxit     | Trạng thái: Chất rắn, dạng bột<br>Màu sắc: Trắng hoặc trắng ngà<br>Không mùi, không tan hoặc rất ít tan trong nước; tan trong axit và kiềm mạnh                                                               | 80,005                 | Trung Quốc |
| <b>Tổng</b> |              |                                                                                                                                                                                                               | <b>500,025</b>         |            |

**\* Máy móc, thiết bị phục vụ trong quá trình hoạt động của dự án**

Các loại máy móc, thiết bị dự kiến đầu tư cho hoạt động sản xuất của Dự án tính cho năm sản xuất ổn định được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ quá trình hoạt động của dự án**

| STT | Tên thiết bị    | Chi tiết thiết bị  | Số lượng | Công suất | Tình trạng | Nguồn gốc |
|-----|-----------------|--------------------|----------|-----------|------------|-----------|
| 1   | Khu vực Nồi hơi | Bể chứa dầu        | 4        |           | HĐBT       | Việt Nam  |
|     |                 | Bơm dầu nhiệt      | 2        | 7,5kw     | HĐBT       | Việt Nam  |
|     |                 | Bơm cấp dầu        | 2        | 160KW     | HĐBT       | Việt Nam  |
|     |                 | Nồi Hơi            | 1        | 500kw     | HĐBT       | Việt Nam  |
|     |                 | Tủ điện điều khiển | 1        |           | HĐBT       | Việt Nam  |



|   |                              |                                             |   |        |      |            |
|---|------------------------------|---------------------------------------------|---|--------|------|------------|
| 2 | Thang Vận                    | Động cơ chính                               | 1 | 4KW    | HĐBT | Việt Nam   |
| 3 | Máy Trộn                     | Động cơ chính trộn                          | 1 | 30kw   | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ phụ trộn                            | 3 | 4kw    | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Quạt hút ly tâm                             | 1 | 3kw    | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Tủ điện điều khiển                          | 1 |        | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ cấp liệu vào máy<br>đóng bao        | 1 | 5,5kw  | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Máy đóng bao                                | 1 | 1.5kw  | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Bơm hút chân không máy<br>đóng bao          | 1 | 5.5kw  | HĐBT | Trung Quốc |
| 4 | Lò phản ứng                  | Lò phản ứng                                 | 2 | 4000kg | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ cánh khuấy                          | 2 | 18.5kw | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Bơm chân không                              | 2 | 5.5kw  | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Tủ điện điều khiển                          | 1 |        | HĐBT | Trung Quốc |
| 5 | Hệ thống Lô<br>cán - hút vảy | Quả lô cán                                  | 4 | Quả lô | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ hộp số quả lô                       | 2 | 11KW   | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ hộp số vít tải liệu                 | 1 | 5,5kw  | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Bơm hút vảy                                 | 1 | 18,5kw | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ xả vảy trên phễu<br>xuống silo chứa | 1 | 1,5kw  | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ cấp liệu xuống<br>phễu nghiền       | 1 | 5,5kw  | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Tủ điện điều khiển                          | 1 |        | HĐBT | Trung Quốc |
| 6 | Hệ thống Máy<br>Nghiền       | Động cơ nghiền                              | 2 | 75KW   | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ phân ly                             | 2 | 15kw   | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Quạt hút ly tâm                             | 2 | 37KW   | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ xả liệu buồng thu<br>bụi            | 2 | 0,75kw | HĐBT | Trung Quốc |
|   |                              | Động cơ cyclon                              | 7 | 1,1kw  | HĐBT | Trung Quốc |



|    |                       |                                       |   |         |      |            |
|----|-----------------------|---------------------------------------|---|---------|------|------------|
|    |                       | Động cơ cấp liệu vào máy nghiền       | 2 | 1,5kw   | HĐBT | Trung Quốc |
|    |                       | Động cơ cấp liệu xuống máy đóng bao   | 2 | 5,5kw   | HĐBT | Trung Quốc |
|    |                       | Máy đóng bao                          | 2 | 1,5kW   | HĐBT | Trung Quốc |
|    |                       | Hút chân không máy đóng bao           | 2 | 5,5kw   | HĐBT | Trung Quốc |
|    |                       | Tủ điều khiển                         | 2 |         | HĐBT | Trung Quốc |
| 7  | Máy nén khí           | Máy khí, máy sấy, bình chứa khí nén   | 1 | 37kw    | HĐBT | Việt Nam   |
| 8  | Hệ thống quạt hút bụi | Hệ thống quạt, hệ thống đường ống gió | 1 | 22kw    | HĐBT | Việt Nam   |
| 9  | Xe nâng điện          |                                       | 1 | 2,5 tấn | HĐBT | Trung Quốc |
| 10 | Xe nâng tay điện      |                                       | 1 | 2,5 tấn | HĐBT | Trung Quốc |
| 11 | Hệ thống làm mát nước | Chi liler làm mát nước                | 1 | 22kw    | HĐBT | Việt Nam   |
| 12 | Hệ thống cấp gió tươi | Quạt cấp gió, hệ thống đường ống      | 1 | 2.2kw   | HĐBT | Việt Nam   |

**\* Nhu cầu về điện:**

+ Nguồn cấp điện: hệ thống cấp điện của đơn vị cho thuê xưởng.

+ Mục đích sử dụng:

./ Hoạt động của máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất;

./ Nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên;

./ Hệ thống đèn chiếu sáng, điều hòa thông gió.

**\* Nhu cầu về nước:**

Trong quá trình hoạt động, thì dự án sử dụng nước cho quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án, phòng cháy chữa cháy... với lượng nước sử dụng cho từng mục đích được thể hiện chi tiết như sau:

**- Nước cấp cho sinh hoạt:**

Khi dự án đi vào hoạt động, tổng số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án vào khoảng 20 người.



Căn cứ theo Theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế thì tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt của cơ sở là 45 lít/người/ca (Bảng 4 – Tiêu chuẩn dùng nước của công nhân trong nhà máy) thì tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp là 45 lít/người/ca. Số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án là 20 người nên lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án được tính như sau:

$$Q = 20 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 900 \text{ lít/ngày} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

**- Nước cấp cho PCCC:**

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, định mức sử dụng nước chữa cháy là 5 lít/s.

Nhu cầu sử dụng nước chữa cháy cho 01 đám cháy, thời gian chữa cháy 3h liên tục là:

$$Q_{PCCC} = 5 \times 3 \times 3600/1000 = 54 \text{ m}^3.$$

Căn cứ theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải thì nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước sử dụng, nước thải công nghiệp được tính bằng 80% lượng nước sử dụng.

**Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và cân bằng nước của dự án**

| STT | Mục đích sử dụng       | Định mức cấp nước       | Lượng nước sử dụng (m <sup>3</sup> /ngày) | Lượng nước xả thải (m <sup>3</sup> /ngày) | Ghi chú                                                                                         |
|-----|------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nước cấp sinh hoạt     | 45 lít/người/ca         | 0,9                                       | 0,9                                       | Dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt công suất 10 m <sup>3</sup> /ngày đêm của đơn vị cho thuê xưởng |
| 2   | PCCC                   | 5 lít/s, 3 giờ liên tục | 54                                        | Thất thoát                                | -                                                                                               |
|     | <b>Tổng khối lượng</b> |                         | <b>54,9</b>                               | <b>0,9</b>                                |                                                                                                 |

### 3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư

#### 3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh

##### 3.1.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị

Trong giai đoạn này, nguồn phát sinh chất ô nhiễm gây ảnh hưởng tới môi trường nước bao gồm:



- Nước thải sinh hoạt: Chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia quá trình lắp đặt máy móc thiết bị.
- Nước mưa chảy tràn

#### ❖ Thành phần và tải lượng chất ô nhiễm

##### - Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt có đặc điểm là chứa nhiều các chất cặn bã, chất hữu cơ dễ phân hủy, chất dinh dưỡng và các loại vi khuẩn gây bệnh nên có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm nếu không được xử lý.

Tại xưởng thường xuyên có khoảng 10 công nhân tham gia quá trình lắp đặt máy móc thiết bị, theo tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006/BXD thì tiêu chuẩn cấp nước là 45 lít/người/ngày.đêm thì lượng nước cấp cho sinh hoạt là:

$$Q = 10 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày.đêm} = 0,45 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 100% lượng nước dùng cho sinh hoạt. Do vậy lượng nước thải sinh hoạt lớn nhất là  $Q_{\text{thải}} = 0,45 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  (theo Nghị định 80/2014/NĐ – CP về Thoát nước và xử lý nước thải).

Dựa theo số liệu của Tổ chức Y tế thế giới về hệ số tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trên một đầu người, ta có thể tính được tải lượng và nồng độ các chất gây ô nhiễm có thể phát sinh do quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị như sau:

**Bảng 5. Tải lượng và nồng độ các chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị**

| TT | Chất ô nhiễm     | Hệ số phát thải (g/người/ngày) | Tải lượng lớn nhất (g/ngày) | Nồng độ lớn nhất (mg/l) | QCVN 40:2025/BTNMT |
|----|------------------|--------------------------------|-----------------------------|-------------------------|--------------------|
| 1  | BOD <sub>5</sub> | 55 ÷ 60                        | 550 – 600                   | <b>1.333,3</b>          | 50                 |
| 2  | Amoni            | 10,5                           | 105                         | <b>233,3</b>            | 10                 |
| 3  | TSS              | 60 ÷ 65                        | 600 – 650                   | <b>1.444,4</b>          | 100                |
| 4  | Tổng N           | 13                             | 130                         | <b>288,8</b>            | 20                 |
| 5  | Tổng P           | 2,5                            | 25                          | <b>55,5</b>             | 6                  |

**Nhận xét:** So sánh với QCVN 40:2025/BTNMT, cột B cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải đều vượt nhiều lần so với tiêu chuẩn cho phép. Thành phần nước thải sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (BOD<sub>5</sub>), các hợp chất dinh dưỡng (N, P), và các vi sinh vật. Nếu lượng nước thải này thải trực tiếp vào môi trường sẽ gây tác động trực tiếp đến chất lượng nước mặt, nước ngầm và cảnh quan môi trường trong khu vực, tạo điều kiện cho rong, tảo phát triển gây ra hiện tượng phú dưỡng..



### **- Nước mưa chảy tràn**

Công ty sử dụng mặt bằng có sẵn của nhà xưởng của Công ty cổ phần Tatiko Việt Nam nên hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được xây dựng hoàn thiện. Nước mưa chảy tràn bề mặt được thu gom bằng hệ thống thu gom nước mưa hiện hữu của nhà xưởng của Công ty cổ phần Tatiko Việt Nam đã xây dựng sẵn tại khu vực dự án thuê, rãnh thu bằng bê tông cốt thép sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN, do đó không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của công ty.

#### **3.1.2. Trong giai đoạn hoạt động của dự án**

##### **- Nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt của dự án phát sinh từ 2 nguồn chính:

+ Nước thải không có chứa phân, nước tiểu và các loại thực phẩm từ các thiết bị vệ sinh như chậu rửa mặt,...: Loại nước thải này chứa chủ yếu chất rắn lơ lửng, các chất tẩy giặt và thường gọi là nước "xám". Nồng độ các chất hữu cơ trong loại nước thải này thấp và thường khó phân hủy sinh học. Trong nước thải chứa nhiều tạp chất vô cơ.

+ Nước thải chứa phân, nước tiểu từ các khu vệ sinh (toilet) còn được gọi là "nước đen". Trong nước thải thường tồn tại các vi khuẩn gây bệnh và dễ gây mùi hôi thối. Hàm lượng chất hữu cơ ( $BOD_5$ ) và các chất dinh dưỡng như: Nitơ (N), Photpho (P) cao. Loại nước thải này thường gây nguy hại đến sức khỏe và dễ làm nhiễm bẩn đến nguồn nước tiếp nhận.

Theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước thải và xử lý nước thải thì lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp. Nhu cầu sử dụng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt trong quá trình hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án là  $0,9 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  (phục vụ nhu cầu sinh hoạt của 20 cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án). Do đó, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là  $0,9 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ . Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ dễ phân hủy ( $BOD_5$ , COD), chất dinh dưỡng (N, P) và các vi khuẩn gây bệnh,... nên có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm nếu không được xử lý.

Dựa theo số liệu của Bảng 21 – Tải lượng ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại TCVN 7957:2023 về thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài – yêu cầu thiết kế, ta có thể tính được tải lượng và nồng độ các chất gây ô nhiễm có thể phát sinh do quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong quá trình hoạt động nếu không được xử lý như sau:

Tải lượng các chất ô nhiễm = Số người x Hệ số phát thải;

Nồng độ các chất ô nhiễm = Tổng lượng chất ô nhiễm / tổng lượng nước thải



**Bảng 6. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án**

| TT | Chất ô nhiễm     | Hệ số phát thải (g/người/ngày) | Tải lượng lớn nhất (g/ngày) | Nồng độ lớn nhất (mg/l) | Tiêu chuẩn KCN Quang Minh |
|----|------------------|--------------------------------|-----------------------------|-------------------------|---------------------------|
| 1  | BOD <sub>5</sub> | 55 ÷ 60                        | 1.100-1.200                 | <b>1.333,33</b>         | 50                        |
| 2  | Amoni            | 10,5                           | 210                         | <b>233,33</b>           | 10                        |
| 3  | TSS              | 60 ÷ 65                        | 1.200-1.300                 | <b>1.444,44</b>         | 100                       |
| 4  | Tổng N           | 13                             | 260                         | <b>288,89</b>           | 40                        |
| 5  | Tổng P           | 2,5                            | 50                          | <b>55,56</b>            | 6                         |

**Ghi chú:**

+ Hệ số phát thải tính theo TCVN 7957:2023 về thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài – yêu cầu thiết kế;

+ Tiêu chuẩn KCN Quang Minh: tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN.

*Nhận xét:* So sánh với tiêu chuẩn KCN Quang Minh cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải đều vượt nhiều lần so với tiêu chuẩn cho phép. Thành phần nước thải sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học (BOD<sub>5</sub>), các hợp chất dinh dưỡng (N, P), và các vi sinh vật. Nếu lượng nước thải này thải trực tiếp vào môi trường sẽ gây tác động trực tiếp đến chất lượng nước mặt, nước ngầm và cảnh quan môi trường trong khu vực, tạo điều kiện cho rong, tảo phát triển gây ra hiện tượng phú dưỡng.

### **3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh**

#### **3.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị**

##### **❖ Nguồn phát sinh của bụi**

Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị không có hoạt động phá dỡ, đào bới nền móng của công trình hiện trạng do vậy bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển, lắp đặt máy móc thiết bị.

##### **❖ Thành phần và tải lượng**

##### **\* Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị phục vụ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị**

Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án là 3 tấn/5 ngày lắp đặt.

Dự án sử dụng xe có trọng tải 1 tấn (sử dụng dầu) để vận chuyển thì trung bình 1 ngày sẽ cần 01 chuyến xe (ứng với 02 lượt xe đi và về).



Tải lượng bụi, khí thải sinh ra từ quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị được tính toán dựa theo hệ số phát thải ô nhiễm của Tổ chức y tế thế giới WHO (Nguồn: *Assessment of source of air, water, land pollution, WHO, 1993*) thiết lập đối với các loại xe sử dụng dầu có trọng tải 1 tấn, di chuyển ngoài thành phố.

$$\text{Tải lượng (kg/ngày)} = \frac{\text{Hệ số ô nhiễm}}{1000} \times \text{Quãng đường vận chuyển} \times \text{Số lượt xe}$$

$$\text{Tải lượng (mg/ms)} = \frac{1000}{3600 \times 8} \times \text{tải lượng (kg/ngày)}$$

Vậy tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh sẽ là:

**Bảng 7. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị**

| TT | Chất ô nhiễm    | Hệ số ô nhiễm (kg/1000km) | Quãng đường (km) | Lượt xe (lượt xe/ngày) | Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày) | Nồng độ trung bình (mg/m.s) |
|----|-----------------|---------------------------|------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1  | Bụi             | 1,2                       | 15               | 02                     | 0,036                       | 0,004167                    |
| 2  | SO <sub>2</sub> | 2*S                       | 15               | 02                     | 0,06S                       | 0,006944S                   |
| 3  | NO <sub>x</sub> | 12                        | 15               | 02                     | 0,36                        | 0,041667                    |
| 4  | CO              | 3,5                       | 15               | 02                     | 0,105                       | 0,012153                    |
| 5  | VOCs            | 1                         | 15               | 02                     | 0,03                        | 0,003472                    |

*Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu, (S = 0,05%)*

Từ kết quả trong bảng trên cho thấy, nồng độ bụi và các khí phát sinh từ hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị đều nhỏ hơn rất nhiều lần khi so sánh với QCVN 05:2023/BTNMT về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ). Điều đó chứng tỏ tác động từ hoạt động này đến môi trường là rất nhỏ.

### **3.2.2. Trong giai đoạn hoạt động của dự án**

**- Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào nhà máy và từ hoạt động đi lại của cán bộ công nhân viên lao động:**

Khi dự án đi vào hoạt động thì bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông chuyên chở sản phẩm, nguyên vật liệu và phương tiện giao thông của cán bộ công nhân viên ra vào Dự án. Thành phần chính bao gồm: bụi và các khí độc: CO, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>,...

Dự án có khoảng 20 lao động của thường xuyên ra vào nhà máy (với 3 xe ô tô con và 17 xe máy). Ngoài ra, khi dự án vận hành thì dự kiến số lượng phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm sử dụng ước tính khoảng 2 xe/ngày (dự kiến xe có tải trọng trung bình 10 tấn).

Do quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm cũng như hoạt động của xe

máy, ô tô không cùng tuyến, nên cung đường chịu tác động lớn nhất của quá trình này là đoạn đường nội bộ của xã Quang Minh (ước tính khoảng 5.000m). Vậy số lượt xe chạy trên cung đường chịu tác động lớn nhất này là:

- + Xe máy:  $17 \times 2 = 34$  lượt xe/ngày;
- + Xe ô tô con:  $3 \times 2 = 6$  lượt xe/ngày;
- + Xe tải 10 tấn:  $2 \times 2 = 4$  lượt xe/ngày.

Tải lượng ô nhiễm do khí thải giao thông phụ thuộc vào số lượng xe lưu thông, vận tốc, loại nhiên liệu sử dụng, tình trạng kỹ thuật của phương tiện và chất lượng đường giao thông. Tải lượng chất ô nhiễm được tính toán trên cơ sở “hệ số ô nhiễm” do Cơ quan Bảo vệ môi trường Mỹ (USEPA) và Tổ chức Y tế Thế giới WHO thiết lập như sau:

**Bảng 8. Hệ số phát thải của các phương tiện giao thông**

| TT | Loại phương tiện      | Hệ số ô nhiễm (kg/1000km) |                 |                 |      |
|----|-----------------------|---------------------------|-----------------|-----------------|------|
|    |                       | Bụi                       | SO <sub>2</sub> | NO <sub>2</sub> | CO   |
| 1  | Xe tải $\geq 3,5$ tấn | 0,9                       | 4,15S           | 1,44            | 2,9  |
| 2  | Xe con                | 0,07                      | 2,05S           | 1,13            | 6,46 |
| 3  | Mô tô, xe máy         | -                         | 0,6S            | 0,08            | 22   |

(Nguồn: WHO, Rapid Environmental Assessment, 1993)

**Ghi chú:** S – là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO, S = 0,5%

Tải lượng ô nhiễm không khí của các phương tiện giao thông ra vào dự án được tính theo công thức sau:

*Tải lượng ô nhiễm = Hệ số phát thải x Quãng đường/lượt x số lượt xe/ngày*

Kết quả dự báo tải lượng các chất ô nhiễm không khí do các xe gây ra như bảng sau:

**Bảng 9. Tải lượng khí thải phát sinh do các phương tiện tham gia giao thông trong giai đoạn hoạt động của dự án**

| Loại xe     | Quãng đường chịu tác động lớn nhất (km) | Số lượt xe/ngày | Tải lượng (kg/1000km.ngày) |                        |                       |         |
|-------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
|             |                                         |                 | Bụi                        | SO <sub>2</sub>        | NO <sub>x</sub>       | CO      |
| Xe tải      | 5                                       | 4               | 18                         | 0,415                  | 28,8                  | 58      |
| Xe con      | 5                                       | 6               | 2,1                        | 0,3075                 | 33,9                  | 193,8   |
| Xe máy      | 5                                       | 34              | -                          | 0,51                   | 13,6                  | 3.740   |
| <b>Tổng</b> |                                         |                 | 20,1                       | 1,2325                 | 76,3                  | 3.991,8 |
| Quy đổi     |                                         |                 | <b>Tải lượng mg/m.s</b>    |                        |                       |         |
|             |                                         |                 | 2,326x10 <sup>-4</sup>     | 1,427x10 <sup>-5</sup> | 0,88x10 <sup>-3</sup> | 0,0462  |

(Tính toán mỗi ngày lượng xe sẽ tập trung ra vào khu vực thực hiện dự án lớn nhất khoảng 2 giờ\_01 giờ đến cơ sở làm việc và 01 giờ ra về)



Để đánh giá được nồng độ các chất ô nhiễm khuếch tán do các phương tiện vận chuyển gây ra người ta thường sử dụng phương pháp mô hình hóa. Một trong số các mô hình sử dụng đối với nguồn đường là mô hình Sutton. Xét nguồn đường dài hữu hạn, ở độ cao gần mặt đất, hướng gió thổi theo phương vuông góc với nguồn đường. Khi đó nồng độ trung bình chất ô nhiễm tại điểm có tọa độ (x,z) được xác định bằng công thức sau:

$$C(x,z) = \frac{0,8E \left\{ \exp \left[ \frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp \left[ \frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z u}$$

Trong đó: C: Nồng độ trung bình chất ô nhiễm trong không khí tại điểm có tọa độ (x,z) mg/m<sup>3</sup>

E: Tải lượng chất ô nhiễm trên một đơn vị chiều dài trong một đơn vị thời gian hay còn gọi là công suất nguồn đường (mg/m.s).

x: Khoảng cách theo hướng gió (m) (khoảng cách x biến thiên một khoảng 5m)

z: Độ cao của điểm tính toán (m), độ cao biến thiên một khoảng 0,5 m

h: Độ cao của nguồn đường so với mặt đất (lấy độ cao trung bình 5 m)

u: Tốc độ gió trung bình (m/s) (tốc độ gió trung bình ở Hà Nội = 1,1 m/s)

$\sigma_z$ : Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương z (m);  $\sigma_z$  là hàm số của khoảng cách x theo hướng gió thổi;  $\sigma_z$  được xác định qua bảng phân loại độ ổn định khí quyển của Pasquill. Đối với nguồn giao thông thì hệ số  $\sigma_z$  thường được xác định bằng công thức Slade, với độ ổn định khí quyển loại B.

$$\sigma_z = 0,53 * x^{0,73}$$

Để mô tả bức tranh về ô nhiễm ta cần xây dựng các đường đẳng trị (*các đường đồng mức*) của chất ô nhiễm trong không khí bằng cách tính toán giá trị nồng độ chất ô nhiễm C ứng với giá trị x biến thiên mỗi khoảng 10m, còn z biến thiên một khoảng 5m. Sau đó nối các điểm có nồng độ chất ô nhiễm bằng nhau sẽ được họ các đường đẳng trị chất ô nhiễm. So sánh với các chỉ số đường đẳng trị với tiêu chuẩn cho phép sẽ đánh giá được mức độ ô nhiễm do nguồn đường gây ra.

Dựa vào các số liệu trên ta tính được nồng độ bụi, khí thải khuếch tán tại các điểm cách nguồn phát thải 5m, 10m, 15m, 20m, 25m, 30m, 35m, 40m và độ cao biến thiên từ 0,5m, 1m, 1,5m, 2m, 2,5m, 3m, 3,5m, 4m.

Kết quả tính toán nồng độ bụi khuếch tán được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 10. Dự báo nồng độ bụi và khí thải trên quãng đường di chuyển đến khu vực thực hiện Dự án**

| Khoảng cách theo phương gió thổi (x)                                               | Độ cao điểm tính toán (z) | Hệ số khuếch tán | Nồng độ các chất ô nhiễm ( $\mu\text{g}/\text{m}^3$ ) |                 |                 |                  |
|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|
|                                                                                    |                           |                  | Bụi                                                   | SO <sub>2</sub> | NO <sub>2</sub> | CO               |
| 5m                                                                                 | 0,5m                      | 1,716            | 230,2                                                 | 59,7            | <b>1.910,5</b>  | <b>359.075,5</b> |
| 10m                                                                                | 1,0m                      | 2,846            | 8,22                                                  | 2,13            | 68,19           | 12.816,9         |
| 15m                                                                                | 1,5m                      | 3,827            | 2,95                                                  | 0,76            | 24,4            | 4.600            |
| 20m                                                                                | 2,0m                      | 4,721            | 1,75                                                  | 0,45            | 14,5            | 2.740            |
| <b>QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ) (<math>\mu\text{g}/\text{m}^3</math>)</b> |                           |                  | <b>300</b>                                            | <b>350</b>      | <b>200</b>      | <b>30.000</b>    |

Như vậy, từ kết quả tính toán cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ các phương tiện giao thông trong giai đoạn ổn định của dự án từ khoảng cách 10m trở đi đều nằm trong giá trị quy chuẩn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT. Tuy nhiên nguồn ô nhiễm này chỉ mang tính chất nhất thời (chủ yếu tập trung vào thời điểm giờ đi làm và giờ tan ca) và phân tán trên tuyến đường di chuyển, trong không gian rộng. Do đó sẽ tác động không lớn đến chất lượng môi trường không khí xung quanh.

***- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất***

Trong quá trình sản xuất, bụi và khí thải phát sinh chủ yếu tại các công đoạn cấp liệu, ủ liệu, xả liệu, nghiền và đóng bao. Tại công đoạn cấp liệu, quá trình mở bao, cân và nạp ZnO dạng bột có thể phát sinh bụi nguyên liệu, chủ yếu là bụi ZnO; tại công đoạn phối trộn, hỗn hợp axit stearic và ZnO được gia nhiệt để thực hiện phản ứng, do đó có thể phát sinh bụi sản phẩm; tại các công đoạn xả liệu, nghiền và đóng bao, quá trình xả, nghiền và rót sản phẩm dạng bột có thể phát sinh bụi Zinc Stearate.

Các nguồn bụi phát sinh chủ yếu là bụi nguyên liệu và bụi sản phẩm, có tính chất cục bộ, tập trung tại các vị trí thao tác với vật liệu dạng bột; trong đó công đoạn nghiền và đóng bao là các nguồn có khả năng phát sinh bụi đáng kể, cần được kiểm soát để hạn chế phát tán vào không khí nhà xưởng. Nhìn chung, các nguồn phát sinh được xác định gồm bụi ZnO tại công đoạn cấp liệu, bụi Zinc Stearate tại các công đoạn xả liệu, nghiền và đóng bao; đây là các nguồn cần được thu gom, kiểm soát phù hợp nhằm hạn chế ảnh hưởng đến môi trường không khí và người lao động.

**3.3. Loại và khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh:**

***3.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:***



Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, quá trình sinh hoạt của công nhân sẽ làm phát sinh một lượng chất thải rắn. Thành phần: chất thải hữu cơ (50% khối lượng) và chất thải vô cơ như thực phẩm, thức ăn thừa, hộp xốp, túi nilon,...

Theo ước tính, lượng chất thải rắn sinh hoạt do mỗi công nhân thải ra dao động trong khoảng 0,3 - 0,5 kg/người/ngày. (Giáo trình Quản lý chất thải rắn, NXB Xây dựng, GS.TS Trần Hiếu Nhuệ).

Khi đó với lượng công nhân làm việc thường trực trong xưởng là 10 người thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày:  $10 \text{ người} \times 0,3 \text{ kg/người/ngày} = 3 \text{ kg/ngày}$ .

Lượng chất thải phát sinh tuy không nhiều nhưng nếu không thu gom hàng ngày sẽ làm ảnh hưởng, gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và cảnh quan trên công trường và khu vực xung quanh, đồng thời có thể trở thành ổ bùng phát các dịch bệnh cho con người.

### **3.3.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

- *Nguồn phát sinh:* Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân của dự án

- *Khối lượng, chủng loại phát sinh:* Dự kiến như bảng sau:

**Bảng 11. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án**

| ST<br>T | Tên chất thải rắn                                                               | Hệ số phát thải CTRSH<br>(Theo QCVN 01:2021/BXD) | Khối lượng<br>(kg/ngày) |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|
| 1       | Nhà ăn: Túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo,... và giấy từ nhà vệ sinh. | 0,5 kg/người/ngày                                | 10                      |
| 2       | Văn phòng làm việc: Giấy ăn, bã chè, vỏ hoa quả,...                             |                                                  |                         |

### **3.4. Loại và khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh:**

#### **3.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:**

Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án phát sinh chất thải rắn thông thường, chủ yếu là bao bì đóng gói với khối lượng ước tính khoảng 10 kg.

#### **3.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

Với đặc thù sản xuất của dự án, chất thải rắn sản xuất phát sinh dự kiến như sau:

- *Nguồn phát sinh:* Từ hoạt động sản xuất của dự án.

- *Khối lượng, chủng loại phát sinh:* Dự kiến như bảng sau:

**Bảng 12. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án**

| TT                      | Thành phần                                                          | Đơn vị        | Khối lượng   |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|
| 1                       | Vỏ bút, chai nhựa                                                   | Kg/năm        | 20           |
| 2                       | Giấy văn phòng, bìa carton                                          | Kg/năm        | 120          |
| 3                       | Bao bì đóng gói nguyên liệu, sản phẩm không chứa TPNH; nhãn dán lỗi | Kg/năm        | 750          |
| 4                       | Panet gỗ, túi nilong                                                | Kg/năm        | 250          |
| 5                       | Giẻ lau, bao tay không dính dầu mỡ, hóa chất                        | Kg/năm        | 200          |
| 6                       | Nguyên liệu rơi vãi                                                 | Kg/năm        | 150          |
| 7                       | Sản phẩm lỗi, rơi vãi                                               | Kg/năm        | 150          |
| <b>Tổng khối lượng:</b> |                                                                     | <b>Kg/năm</b> | <b>1.640</b> |

### 3.5. Loại và khối lượng CTNH phát sinh:

#### 3.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:

Sau khi hoàn thành lắp đặt, dự án tiến hành vận hành thử nghiệm và chạy thử thiết bị. Trong quá trình này phát sinh chất thải nguy hại, chủ yếu là giẻ lau dính dầu và hộp đựng dầu, với khối lượng ước tính khoảng 5 kg.

#### 3.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

Trong quá trình hoạt động của dự án thì chất thải nguy hại phát sinh như sau:

- *Nguồn phát sinh:* Từ hoạt động sản xuất, vận chuyển hàng hoá.
- *Khối lượng, chủng loại phát sinh:* Dự kiến như bảng sau:

**Bảng 13. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án**

| STT         | Tên chất thải                                                                                                                        | Mã chất thải | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------|
| 1           | Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại | 18 02 01     | Rắn                | 300                 |
| 2           | Pin, ắc quy thải                                                                                                                     | 16 01 12     | Rắn                | 20                  |
| 3           | Dầu động cơ, dầu bôi trơn thải                                                                                                       | 07 03 05     | Lỏng               | 300                 |
| 4           | Bao bì mềm thải                                                                                                                      | 18 01 01     | Rắn                | 600                 |
| <b>Tổng</b> |                                                                                                                                      |              |                    | <b>1.220</b>        |

### 4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở

#### 4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh:

##### 4.1.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:

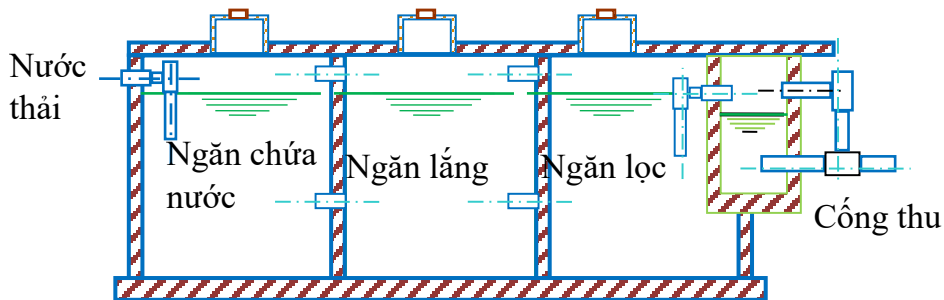
Nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân lắp đặt sẽ được thu gom thông qua hệ thống thoát nước thải và nhà vệ sinh hiện hữu của đơn vị cho thuê xưởng. Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại hiện hữu sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của đơn vị cho thuê xưởng.



#### **4.1.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của đơn vị cho thuê xưởng (Công ty cổ phần Tatico Việt Nam) đạt tiêu chuẩn của KCN Quang Minh trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

+ Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn:



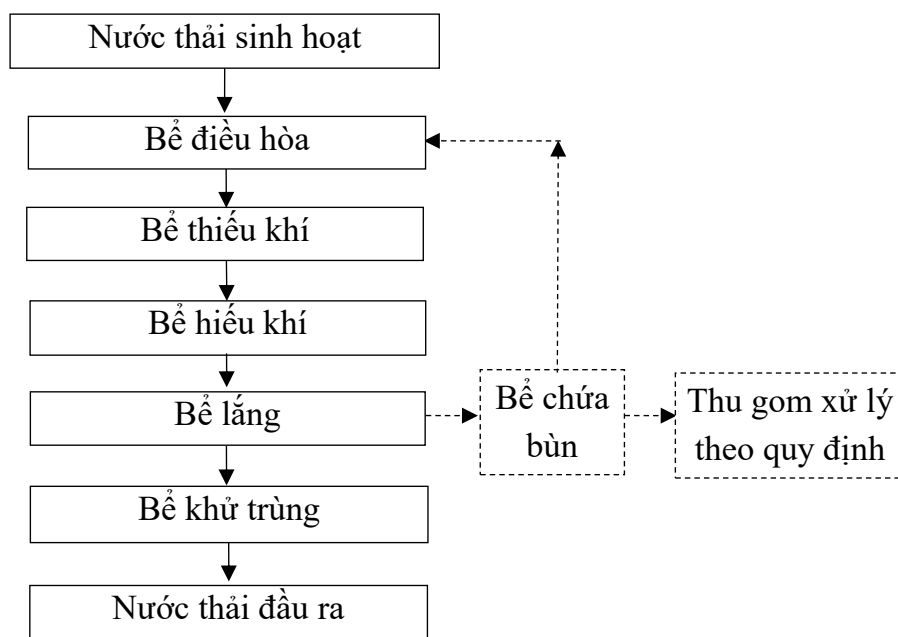
**Hình 2. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn**

#### **Nguyên lý hoạt động:**

Bể tự hoại 3 ngăn là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân hủy, một phần tạo ra chất khí, một phần tạo ra chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua ngăn lắng 1 sẽ tiếp tục qua ngăn lắng 2 và 3 trước khi thải ra ngoài. Hiệu quả xử lý của bể tự hoại nằm trong khoảng 60-65% SS, 35-45% BOD<sub>5</sub>, COD.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty cổ phần Tatico Việt Nam đạt tiêu chuẩn của KCN Quang Minh trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải của KCN theo hợp đồng số 1006/Tti-TLC giữa Công ty cổ phần Tatico Việt Nam và Công ty Cổ phần Techlochem.

**- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m<sup>3</sup>/ngày đêm của đơn vị cho thuê xưởng – Công ty cổ phần Tatico Việt Nam:**



**Hình 3. Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

## **4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh:**

### **4.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:**

Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị, khí thải sinh ra do hoạt động của các động cơ bao gồm: CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, khói đen, hơi hydrocacbon. Mức độ ô nhiễm phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến số lượng xe vận chuyển, chủng loại xe, định mức tiêu hao nhiên liệu, tình trạng xe, chế độ hoạt động của động cơ, quãng đường di chuyển; chất lượng đường giao thông; chất lượng nhiên liệu,... Để giảm thiểu lượng bụi và khí thải phát sinh trong giai đoạn này tới mức thấp nhất, chủ dự án sẽ yêu cầu các chủ thầu nghiêm túc thực hiện các công việc sau:

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu khí thải động cơ:
  - + Không sử dụng xe, máy quá cũ để vận chuyển và cải tạo công trình;
  - + Không chở hàng hóa, vật liệu vượt quá trọng tải của phương tiện;
  - + Thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng để đảm bảo làm việc tốt.

### **4.2.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

**a. Đối với bụi và khí thải phát sinh quá trình hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án:**

Để giảm thiểu tối đa các tác động của bụi và khí thải do phương tiện vận chuyển, phương tiện tham gia giao thông của cán bộ công nhân viên ra vào công ty, thì Chủ dự án tiến hành thực hiện các biện pháp sau:



- Phương tiện vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành về chất lượng khí thải, không sử dụng xe quá cũ để vận chuyển, giảm phát thải bụi và các khí độc hại như SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,...

- Không chở vượt trọng tải quy định đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

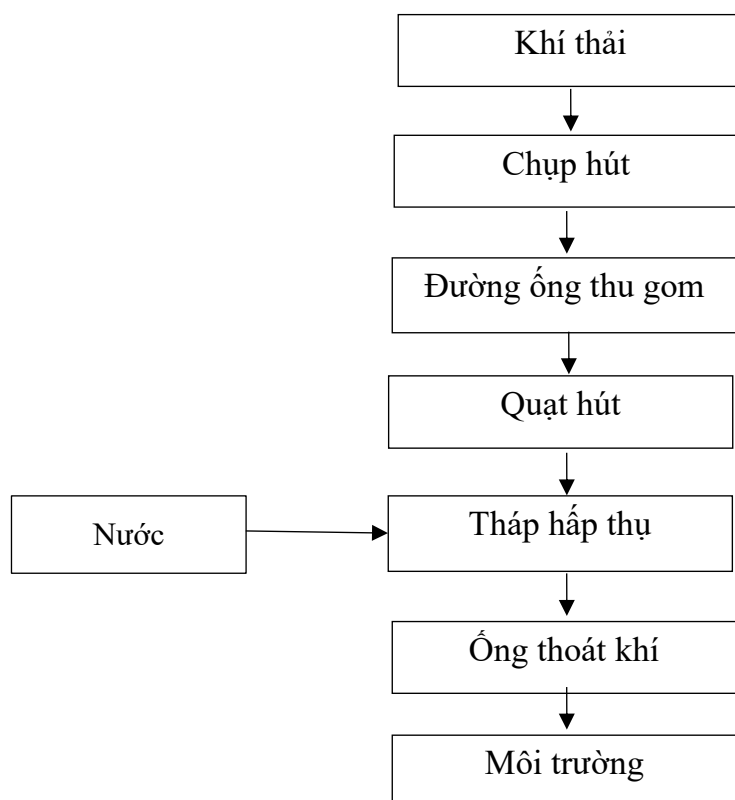
- Có chế độ điều tiết xe vận tải chở nguyên liệu, sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại tuyến đường ra vào công ty.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì phương tiện vận chuyển đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

#### **b. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất**

Trong quá trình sản xuất có phát sinh bụi, khí thải cần xử lý, chủ dự án đã đầu tư 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000m<sup>3</sup>/h.



**Hình 4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000m<sup>3</sup>/h**

#### **Thuyết minh quy trình xử lý:**

Khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất được thu gom tại nguồn bằng ống hút bố trí phù hợp tại khu vực phát sinh. Ống hút có chức năng thu gom khí thải ngay tại vị trí phát sinh, hạn chế phát tán khí thải vào không gian nhà xưởng.

Khí thải sau đó được dẫn qua hệ thống đường ống thu gom và được quạt hút tạo áp suất âm để duy trì dòng khí, đưa toàn bộ khí thải về thiết bị xử lý.

Khí thải sau quạt hút được đưa vào tháp hấp thụ. Tại tháp hấp thụ, nước được cấp bổ sung vào hệ thống để tiếp xúc với dòng khí thải. Khi khí thải đi qua tháp, các thành phần ô nhiễm có khả năng hòa tan trong nước được giữ lại thông qua quá trình hấp thụ khí – lỏng, đồng thời một phần bụi và các tạp chất đi kèm cũng được giữ lại trong pha nước. Dòng khí sau xử lý tiếp tục đi lên phía trên tháp.

Khí sau khi qua tháp hấp thụ được dẫn theo ống thoát khí và xả ra môi trường. Nước sử dụng trong tháp hấp thụ được bổ sung trong quá trình vận hành nhằm duy trì hiệu quả xử lý; nước hấp thụ sau một thời gian vận hành được kiểm soát và thay thế/xả bỏ theo chế độ vận hành của hệ thống.

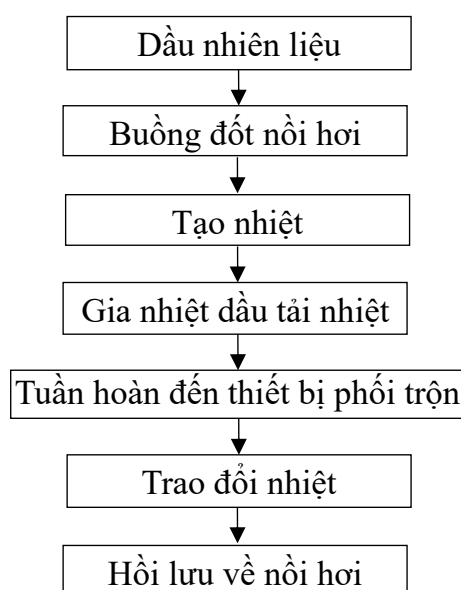
Khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sẽ theo các ống thải thoát ra ngoài môi trường.

Chủ đầu tư dự kiến thiết kế hệ thống xử lý khí thải như sau:

**Bảng 14. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải**

| STT | Tên thiết bị      | Số lượng | Thông số kỹ thuật                                      |
|-----|-------------------|----------|--------------------------------------------------------|
| 1   | Ống hút           | 6        | Kích thước: D200                                       |
| 2   | Đường ống thu gom | 1        | Kích thước: D300                                       |
| 3   | Quạt hút          | 1        | Công suất: 22Kw<br>Lưu lượng: 20.000 m <sup>3</sup> /h |
| 4   | Tháp hấp thụ      | 1        | Kích thước: D1.200x5.450 mm                            |
| 5   | Ống thoát khí     | 1        | Kích thước: D500mm                                     |

### c. Hệ thống nồi hơi bằng dầu tải nhiệt



**Hình 5. Sơ đồ nguyên lý hệ thống nồi hơi công suất 1.300m<sup>3</sup>/h**

### **Thuyết minh:**

Hệ thống nồi hơi sử dụng dầu làm nhiên liệu được bố trí nhằm cung cấp nhiệt phục vụ công đoạn phối trộn trong quá trình sản xuất Zinc Stearate. Dầu được cấp từ bồn chứa nhiên liệu vào buồng đốt của nồi hơi; tại đây dầu được phun vào buồng đốt và đốt cháy để tạo nhiệt. Nhiệt lượng sinh ra được truyền cho môi chất gia nhiệt, sau đó môi chất nóng được tuần hoàn đến áo gia nhiệt của thiết bị phối trộn để cung cấp nhiệt gián tiếp cho hỗn hợp axit stearic và ZnO. Sau khi trao đổi nhiệt, dầu tải nhiệt được hồi lưu về hệ thống gia nhiệt để tiếp tục chu trình tuần hoàn, không tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, sản phẩm và một phần được thải ra ngoài qua ống thoát khí.

### **4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

#### ***4.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:***

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy, bố trí tại khu vực làm việc và khu vực sinh hoạt của công nhân. Chủ dự án thực hiện phân loại chất thải theo quy định; chất thải có khả năng tái chế (giấy, nhựa, kim loại...) được thu gom riêng, chất thải còn lại được lưu giữ tạm thời tại khu vực tập kết chất thải sinh hoạt của nhà xưởng.

#### ***4.3.2. Trong giai đoạn hoạt động:***

- Thiết bị lưu chứa: được thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa 25-50 lít có nắp đậy được bố trí tại các khu vực trong nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn đảm bảo không gây ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

- Chủ dự án cam kết ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và vận chuyển CTR sinh hoạt đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tần suất xử lý 2 lần/tuần.

Ngoài ra Chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Quét dọn, thu dọn và vệ sinh hàng ngày toàn khu vực thực hiện dự án.
- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại và lưu trữ vào các thùng chứa có dung tích phù hợp;
- Ban hành nội quy cấm phóng uế, vứt chất thải sinh hoạt, đổ nước thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Có hình thức phạt thích đáng các cá nhân vi phạm. Thường xuyên phát động phong trào bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty.

### **4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh:**

- Thiết bị lưu chứa: được thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa 60 lít, 120 lít có nắp đậy bố trí tại kho lưu giữ CTR thông thường.



- Kho lưu chứa: Lưu giữ tại kho CTR thông thường. Kết cấu kho chứa: Sàn BTXM kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; có biển báo đầy đủ; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Chủ dự án cam kết ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và vận chuyển CTR công nghiệp thông thường đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

+ Tần suất thu gom: 1 lần/tuần, tùy vào lượng phát sinh thực tế tại nhà máy.

- Phân loại các loại chất thải thành chất thải có thể tái chế được và chất thải không thể tái chế được theo nghị định 08/2022/NĐ-CP, nghị định 05/2025/NĐ-CP, nghị định 48/2026/NĐ-CP và thông tư 02/2022/TT-BTNMT, thông tư 07/2025/TT-BTNMT, thông tư 07/2025/TT-BNNMT, thông tư 09/2026/TT-BNNMT.

#### **4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh:**

- Thiết bị lưu chứa: được lưu giữ tại các thùng chứa bằng nhựa 60 lít, 120 lít có nắp đậy bố trí tại kho lưu giữ CTNH, bên ngoài có dán mã CTNH.

- Kho lưu chứa: Lưu giữ tại kho CTNH. Thiết kế, cấu tạo: Sàn BTXM kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và vận chuyển CTNH đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

+ Tần suất thu gom: 2 – 3 ngày/lần, tùy vào lượng phát sinh thực tế tại nhà máy.

- Phân loại CTNH, không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với chất thải khác;

- Chất thải nguy hại được để trong các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH; đảm bảo CTNH được quản lý theo nghị định 08/2022/NĐ-CP, nghị định 05/2025/NĐ-CP, nghị định 48/2026/NĐ-CP và thông tư 02/2022/TT-BTNMT, thông tư 07/2025/TT-BTNMT, thông tư 07/2025/TT-BNNMT, thông tư 09/2026/TT-BNNMT



## 5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động của dự án thì để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường thì chủ dự án cam kết:

- Cam kết tuân thủ đúng các quy định về môi trường và an toàn lao động do Nhà nước đặt ra;
- Cam kết thực hiện đúng các giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường được dự án đề ra;
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra sự cố và rủi ro môi trường do triển khai dự án.
- Chủ dự án cam kết không lưu trú tại dự án.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của “Nhà xưởng Techlochem”./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VP.



**GIÁM ĐỐC**

*Phạm Văn Hương*



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0111063196**

*Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 05 năm 2025*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 09 tháng 01 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TECHLOCHEM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHLOCHEM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TECHLOCHEM.,JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Lô 49C, Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 0966630896

Số Fax:

Thư điện tử: techlochemjsc@gmail.com

Website:

**3. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Sáu tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 600.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: PHẠM VĂN HƯỞNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 05/07/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 036078005974

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Xóm 9, Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**





**CÔNG TY CP TATICO VIỆT NAM**  
Số: 1006/TTi-TLC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## **HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và thỏa thuận của hai bên,

Hôm nay, ngày **10** tháng **06** năm **2025**, tại văn phòng Công ty cổ phần Tatico Việt Nam, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**BÊN CHO THUÊ : CÔNG TY CỔ PHẦN TATICO VIỆT NAM**

Địa chỉ : Lô 49C, khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại liên lạc : 024 38134911

Mã số thuế : 2500236328

Tài khoản số : 427 0000 268 Tại : Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quang Minh Hà Nội

Đại diện pháp luật : (Ông) **PHAN QUANG HUY** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**Bên Cho Thuê**”

VÀ

**BÊN THUÊ : CÔNG TY CỔ PHẦN TECHLOCHEM**

Địa chỉ : Lô 49C, khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế : 0111063196

Số tài khoản : 2015249999 Tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Hà Nội

Đại diện pháp luật : (Bà) **NGUYỄN THỊ VIỆT CHINH** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau đây gọi tắt là “**Bên B**” hoặc “**Bên Thuê**”

Các bên sau khi bàn bạc đã thỏa thuận ký hợp đồng cho thuê Nhà xưởng (“**Hợp Đồng**”) với các điều khoản sau:

### **Điều 1. Nội dung**

1.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê mặt bằng Nhà xưởng sản xuất, tổng diện tích là: **2.430 m2** kể từ ngày 01/07/2025 tại Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh Thành phố Hà Nội

- 1.2 Mục đích sử dụng: Sản xuất sản phẩm từ nhựa và phụ gia cho sản xuất với Giấy phép đăng kí kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp cho bên B.
- 1.3 Khu nhà xưởng đã được bên A trang bị hệ thống điện chiếu sáng bên ngoài, hệ thống phòng cháy, chữa cháy tự động theo tiêu chuẩn. Bên B tự làm trạm điện và lắp đặt đồng hồ nước tại nguồn đầu vào xưởng đã được kiểm định của cục đo lường có đầy đủ niêm phong, có xác nhận của bên A để đo nước do bên B sử dụng để làm căn cứ thanh toán. Bên B tự bảo vệ tài sản và nhà xưởng của mình sau khi thuê.
- 1.4 Trước khi sửa chữa hoặc xây dựng mới trong phạm vi nhà xưởng thuê có liên quan đến kết cấu xưởng và quy hoạch chung toàn bộ nhà xưởng, Bên B có nghĩa vụ trình Bên A bản vẽ thiết kế để Bên A phê duyệt.

## **Điều 2. Thời hạn thuê**

Thời hạn thuê là năm **(05) năm**, kể từ ngày **01.07.2025** đến hết ngày **30/06/2030**

## **Điều 3. Giá thuê và Phương thức thanh toán**

### **3.1. Giá thuê**

- a) Thuê xưởng: **96.000 VNĐ (chín mươi sáu nghìn đồng)/m2/01 tháng, tương đương số tiền là: 233.280.000 VNĐ/tháng**
- b) Chi phí sử dụng khu vực vệ sinh chung với bên A (số lượng sử dụng không quá 20 người) là: **3.000.000 VNĐ/ tháng**
- c) Nước, phí quản lý khu công nghiệp hàng năm, xử lý nước thải, vệ sinh,... : phí nào bên B có thể ký hợp đồng trực tiếp với nhà cung cấp thì bên B tự ký và tự thanh toán với nhà cung cấp. Phí nào không thể ký hợp đồng trực tiếp được với nhà cung cấp phải thông qua bên A thì bên B sẽ thanh toán qua bên A, theo số phát sinh thực tế sử dụng, đơn giá tính theo đơn giá của cơ quan Nhà nước hoặc nhà cung cấp thu của bên A. Bên A sẽ xuất hóa đơn chuyển cho bên B.

**Tổng cộng (a+b) là: 236.280.000 VNĐ ( Hai trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)**

Đơn giá trên chưa bao gồm:

- Thuế VAT
- Tiền điện, nước, xả thải,... bên B ký hợp đồng trực tiếp với nhà cung cấp để thanh toán hoặc sử dụng thông qua bên A thì thanh toán trực tiếp với bên A.
- Điều chỉnh hệ thống phòng cháy chữa cháy theo công năng bên B sử dụng.

### **3.2. Thời gian điều chỉnh đơn giá:**

Sau 01 năm, kể từ ngày ký hợp đồng, nếu mặt bằng đơn giá cho thuê nhà xưởng trong khu công nghiệp có biến động thì bên A có quyền điều chỉnh đơn giá nhưng không vượt quá 10% của Đơn giá thuê liên trước đó. Mọi thay đổi về đơn giá được hai bên thống nhất, lập thành phụ lục hợp đồng để thực hiện.

### **3.3. Phương thức thanh toán:**



- Các khoản thuê được nêu tại mục 3.1 được thanh toán theo kỳ là 03 tháng/ lần. Được thanh toán trước ngày 25 của tháng trước kỳ thanh toán tiếp theo.

*Ví dụ: Tiền thanh toán tháng 7, 8, 9 năm 2025. Được thanh toán trước ngày 25/06/2025.*

- Ngay sau ký hợp đồng, bên B đặt cọc 03 tháng tiền thuê cho bên A. Bên A sẽ giữ khoản tiền đặt cọc này trong suốt thời hạn của hợp đồng và sẽ hoàn trả lại cho bên B sau khi hai bên kết thúc hợp đồng và được bên B bàn giao lại nhà xưởng nguyên hiện trạng ban đầu cho bên A.

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng vnd.

#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên A**

##### **4.1. Quyền của bên A**

4.1.1 Bên A có quyền nhận đủ số tiền thuê xưởng từ Bên B theo đúng các điều kiện, Điều 3 của Hợp đồng này.

4.1.2 Đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê xưởng theo quy định tại điều 6.1 của hợp đồng này.

4.1.3 Bên A được lấy lại nhà xưởng khi thời hạn cho thuê đã hết.

4.1.4 Bên A có quyền yêu cầu Bên B bảo đảm và tuân thủ việc sử dụng nhà xưởng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp.

##### **4.2 Nghĩa vụ của bên A**

4.2.1 Bên A cam kết cung cấp các hồ sơ pháp lý như: Hợp đồng thuê đất với Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tỉnh Vĩnh Phúc cấp và tạo điều kiện thuận lợi cho bên B sử dụng mặt bằng hiệu quả.

4.2.2 Bên A cung cấp hóa đơn thuê xưởng, gửi yêu cầu cho bên B thanh toán tiền thuê xưởng vào trước đầu kỳ của kỳ thanh toán. Thời gian thanh toán trong vòng 5 ngày trước của kỳ thanh toán.

4.2.3 Hệ thống bảo vệ ngoài công: Nhân viên bảo vệ của bên A luôn tạo điều kiện thuận lợi cho xe hàng, nhân viên, khách hàng bên B vào, ra theo quy định của bên A trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực và theo nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của bên B trên cơ sở tôn trọng, hợp tác. Để phối hợp được tốt, bên B sẽ gửi lại lịch làm việc ca/kíp của bên A và dự kiến tần suất phương tiện xe giao dịch qua cổng để đảm bảo an ninh trật tự. Bên B phải có bảo vệ vòng trong cho khu vực xưởng của mình và tự chịu trách nhiệm về an ninh trật tự, bảo quản tài sản của bên B trong khu vực thuê.

4.2.4 Bên A có trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng không phải do lỗi của Bên B gây ra đối với toàn bộ hoặc một phần Nhà xưởng mà Bên B thuê của Bên A.

4.2.5 Bên A có trách nhiệm đảm bảo quyền riêng tư và không gian hoạt động sản xuất kinh doanh của bên B trong phạm vi diện tích bên B thuê trong hợp đồng này, và bên A không được tự ý xâm phạm quyền này. Tuy nhiên, bên A được quyền kiểm tra khu vực nhà xưởng của bên B trong thời gian thuê, nhằm đảm bảo Bên B tuân thủ đúng các điều khoản Hợp đồng cũng như các quy định về an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và an ninh trật tự. Việt kiểm tra sẽ thông báo cho đại diện của bên B, để bên B đi cùng và xác nhận hiện trạng với bên A.



4.2.6 Các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

## **Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B**

### **5.1 Quyền của bên B**

- 5.1.1 Bên B nhận diện tích nhà xưởng và sử dụng theo đúng quy định tại điều 1 của hợp đồng này.
- 5.1.2 Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê và các nghĩa vụ tài chính khác cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này và thỏa thuận của các bên.
- 5.1.3 Bên B có quyền yêu cầu Bên A duy tu bảo dưỡng Nhà xưởng theo quy định tại Hợp đồng này để Bên B có thể sử dụng trong suốt thời hạn thuê, trừ các hư hỏng, thiệt hại do Bên B hoặc người có liên quan của Bên B gây ra.
- 5.1.4 Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 6.2 của Hợp đồng này.

### **5.2 Nghĩa vụ của bên B**

- 5.2.1 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của hoạt động sản xuất kinh doanh trên diện tích đã thuê cũng như các vấn đề an toàn lao động, an ninh, tiếng ồn và không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định luật tài nguyên môi trường.
- 5.2.2 Có trách nhiệm sử dụng Nhà xưởng đúng theo quy định của Bên A và các quy định khác có liên quan, bảo đảm không làm ảnh hưởng các doanh nghiệp khác. Nếu Nhà xưởng bị hư hỏng do lỗi của Bên B hoặc người có liên quan của Bên B thì Bên B phải bồi thường những thiệt hại đó cho Bên A.
- 5.2.3 Thanh toán các khoản chi phí theo Điều 3.1 của hợp đồng này đúng thời hạn theo quy định.
- 5.2.4 Bên B tự lắp trạm điện để sử dụng, tiền điện bên B ký hợp đồng trực tiếp với công ty điện lực và thanh toán trực tiếp với nhà cung cấp không qua bên A.
- 5.2.5 Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, bên A sẽ tính lãi ngân hàng nhưng không quá 30 ngày. Sau 30 ngày quá hạn thanh toán, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và không hoàn trả tiền đặt cọc cho bên B.
- 5.2.6 Trong thời hạn cho thuê, mọi thay đổi phá bỏ, sửa chữa liên quan đến kết cấu nhà xưởng phải thông qua bàn bạc và được sự đồng ý của bên A bằng văn bản.
- 5.2.7 Bên B cam kết không thải khí thải có thành phần hóa chất làm ảnh hưởng sức khỏe cũng như phá hủy kết cấu nhà xưởng. Hoàn toàn chịu trách nhiệm với cơ quan chức năng nếu vi phạm.
- 5.2.8 Hệ thống PCCC đã được nghiệm thu và lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động. Bên B có trách nhiệm tự làm hồ sơ điều chỉnh phòng cháy theo công năng sử dụng của bên B. Bên B tự bảo vệ, quản lý tài sản, máy móc và tự mua bảo hiểm cho tài sản của mình. Trong trường hợp để xảy ra cháy nổ tại khu vực xưởng và làm ảnh hưởng sang các khu vực lân cận do hoạt động sản xuất của bên B, bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, phải bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan cũng như bồi thường lại tài sản cho bên A. Bên B cam kết chấp hành mọi quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước và công tác PCCC (nếu có).



- 5.2.9 Bên B phải giữ gìn vệ sinh chung, không được xả rác thải ra khu vực không gian dung chung của nhà máy và đường đi, tự xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc đầu nối vào hệ thống xử lý chung, chấp hành đúng quy định của luật tài nguyên môi trường.
- 5.2.10 Thông báo kịp thời cho bên A tình trạng hư hỏng, xuống cấp mặt bằng, nhà xưởng để bên A sửa chữa kịp thời.
- 5.2.11 Thanh toán đầy đủ chi phí thuê xưởng và các phát sinh về các dịch vụ hỗ trợ.
- 5.2.12 Bàn giao lại tài sản, mặt bằng nhà xưởng nguyên trạng lúc ban đầu khi kết thúc hợp đồng. Nếu để xảy ra những mất mát, hư hỏng phải bồi thường đầy đủ trước khi rút ra khỏi xưởng hoặc trừ vào tiền đặt cọc.

## **Điều 6. Đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng**

- 6.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng khi bên B có 01 trong các hành vi sau đây:
- 6.1.1 Không trả tiền thuê xưởng đúng như trong hợp đồng.
  - 6.1.2 Sử dụng nhà xưởng không đúng mục đích cho thuê.
  - 6.1.3 Cố ý làm hư hỏng nghiêm trọng nhà xưởng.
  - 6.1.4 Sửa chữa, đổi hoặc cho người khác thuê lại toàn bộ hoặc một phần nhà xưởng.
  - 6.1.5 Vi phạm an ninh trật tự công cộng khu công nghiệp hoặc khu vực đất của bên A, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp hoặc của bên A.
  - 6.1.6 Vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước như PCCC, môi trường,... làm ảnh hưởng đến bên A.
- Ngoài các mục trên bên A không có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên B, trừ trường hợp có quyết định của nhà nước có thẩm quyền về việc di dời, giải tỏa, cưỡng chế ... địa điểm.
- 6.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê xưởng khi bên A có một trong các hành vi sau đây:
- 6.2.1 Không sửa chữa khi chất lượng nhà xưởng giảm sút nghiêm trọng.
  - 6.2.2 Tăng giá thuê nhà xưởng không đúng với thỏa thuận của hợp đồng.
- 6.3. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng phải thông báo cho bên kia biết trước 01 tháng bằng văn bản.

## **Điều 7. Hiệu lực, chấm dứt Hợp Đồng**

- 7.1. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, hai bên cam kết không được thay đổi nội dung trong hợp đồng. Và bắt buộc hai bên phải thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã kí.
- 7.2. Hợp Đồng chấm dứt khi xuất hiện một trong các sự kiện sau đây:
- (a) Thời Hạn Thuê kết thúc mà không được hai Bên gia hạn thêm;
  - (b) Khi các bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng;

(c) Các trường hợp khác theo thỏa thuận của các bên hoặc quy định pháp luật.

## **Điều 8. Các điều khoản chung**

- 8.1 Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng này hoặc bất cứ khoản mục nào chưa được đề cập đến trong hợp đồng này thì hai bên sẽ cùng quan tâm giải quyết vấn đề đó trên tinh thần tin tưởng và hòa hợp.
- 8.2 Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì sẽ đưa ra tòa án TP Hà Nội để giải quyết. Toàn bộ án phí sẽ do bên thua kiện chịu chi phí.
- 8.3 Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) trang và lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản gốc sau khi ký tên và đóng dấu.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**

*Phan Quang Huy*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Thị Việt Chinh*



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 2500236328**

*Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 03 năm 2005*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 17 tháng 04 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TATICO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TATICO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TATICO VN.,JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Lô 49C, khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 04.38134911

Email:

Website:

Fax:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 200.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: PHAN QUANG HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/02/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080050548

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Biệt thự 12A, đường Hoa Sữa 5, Khu đô thị Vinhomes, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Biệt thự 12A, đường Hoa Sữa 5, Khu đô thị Vinhomes, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
*Trịnh Huy Tâm*



## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 01221000358

Chứng nhận lần đầu: ngày 13 tháng 01 năm 2011

- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Văn bản số 9087/BKH-KCN & KCX ngày 09 tháng 12 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời một số câu hỏi liên quan đến việc thực hiện Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ gửi kèm theo của Công ty Cổ phần Tatiko Việt Nam ngày 10 tháng 11 năm 2010,

### TRƯỞNG BAN

Chứng nhận: Công ty Cổ phần Tatiko Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 49C, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 04.38134911
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0103034428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/01/2010.
- Người đại diện theo Pháp luật: Ông **Phan Ngọc Khánh;**
  - + Sinh ngày 22/12/1957;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Dân tộc: Kinh;
  - + Chức vụ: Giám đốc;
  - + Chứng minh thư Nhân dân số: 012319549 Cấp ngày: 17/03/2000; Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội;



+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 93, khối Vân, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

+ Chỗ ở hiện tại: Số 417, Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1.** Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư trụ sở và xưởng sản xuất các sản phẩm từ nhựa.

**Điều 2.** Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa, bao gồm thiết bị điện, điện tử phục vụ công nghiệp và tiêu dùng, các loại băng, đĩa trắng (băng cát sét, video, đĩa CDROM, đĩa mềm); sản lượng: 1.500 tấn sản phẩm/năm;

- Gia công cơ khí, chế tạo và sửa chữa các loại khuôn mẫu:

- + Sản lượng: 100 bộ/năm.

- Cho thuê nhà xưởng dư thừa.

**Điều 3.** Địa điểm thực hiện dự án: Lô 49C, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 14.850 m<sup>2</sup>.

**Điều 4.** Tổng vốn đầu tư: **27.051.366.275** đồng (*Hai mươi bảy tỷ không trăm năm mươi một triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy lăm đồng*).

**Điều 5.** Thời hạn thực hiện dự án: Đến ngày 11 tháng 12 năm 2052.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 919043 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 23/11/2005.

**Điều 6.** Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2005.

**Điều 7.** Các ưu đãi đầu tư đối với dự án: Dự án được hưởng các đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật.

**Điều 8.** Một số quy định khác:

- Mục tiêu cho thuê nhà xưởng dư thừa của doanh nghiệp phải có ngành nghề phù hợp với quy hoạch khu công nghiệp được duyệt, phù hợp với mục tiêu dự án được cấp có thẩm quyền chấp thuận và phê duyệt;

- Chủ đầu tư chỉ được phép cho thuê nhà xưởng dư thừa khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Kinh doanh Bất động sản số 63/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Nhà xưởng xây dựng phải đảm bảo tỷ lệ xây dựng theo quy định được duyệt, các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường;

- Đối với mục tiêu cho thuê nhà xưởng dư thừa, doanh nghiệp phải hoạch toán độc lập để thực hiện nộp thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành;

- Nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ quản lý khu công nghiệp Quang Minh theo quyết định số 4872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội;



**Chứng thực bản sao đúng với bản chính**

**Số chứng thực: 39/ĐT Quyền số: Sổ Chứng thực điện tử-SCTĐT/BS**

**Ngày 26 tháng 06 năm 2023**

- Hàng tháng và 03 tháng/lần doanh nghiệp phải phải có báo cáo về tình hình về tình hình đầu tư thực hiện dự án, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, các chính sách đối với người lao động gửi về Ban quản lý theo để tổng hợp báo cáo UBND thành phố Hà Nội và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 9.** Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 bản (hai bản) gốc; Công ty Cổ phần Tatiko được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội./.



**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Xuân Chính**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND**

**Trần Văn Bồi**







CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

SỐ: 15/BB-ND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

"V/v thoát nước mặt, nước thải KCN Quang Minh I"

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường, ngày 23 tháng 06 năm 2014
- Căn cứ Điều 35, Chương IV, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính Phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Căn cứ vào nhu cầu xả thải của Công ty cổ phần TATI CO (LĐ 4g)

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày .....tháng .....năm 2015. Tại văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, chúng tôi gồm có:

I/ ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PTHT NAM ĐỨC:

Ông/ Bà: NGUYỄN KHẮC SƠN Chức vụ: GIÁM ĐỐC CT

Ông/ Bà: LA QUANG HIẾP Chức vụ: CB GIÁM SÁT

II/ ĐẠI DIỆN BÊN B CÔNG TY CỔ PHẦN TATI CO

Ông/ Bà: PHAN NGỌC KHANH Chức vụ: GIÁM ĐỐC CT

Ông/ Bà: LÊ THU HƯƠNG Chức vụ: CB HÀNH CHÍNH

### Nội dung biên bản:

Cùng nhau xác nhận biên bản thỏa thuận đầu nối hệ thống thoát nước mặt, nước thải của CÔNG TY CP TATI CO

vào hệ thống thoát nước mặt, nước thải chung của Khu công nghiệp Quang Minh, cụ thể như sau:

- Vị trí đầu nối thoát nước mặt:

+ Điểm 1: Chạy dọc tuyến đường số 2 khu công nghiệp Quang Minh đến TATI K<sub>2</sub> ở G<sub>2</sub>

+ Điểm 2: Chạy dọc tuyến đường số 2 khu công nghiệp Quang Minh đến TATI K<sub>2</sub> ở G<sub>2</sub>

- Vị trí đầu nối thoát nước thải:

+ Điểm 1: Từ khu vực bãi rác phía Bắc khu công nghiệp Quang Minh đến TATI K<sub>2</sub> ở G<sub>2</sub>

+ Điểm 2: Từ khu vực bãi rác phía Bắc khu công nghiệp Quang Minh đến TATI K<sub>2</sub> ở G<sub>2</sub> và khu vực bãi rác phía Bắc khu công nghiệp Quang Minh đến TATI K<sub>2</sub> ở G<sub>2</sub>



**Yêu cầu về kỹ thuật:**

**1. Thoát nước mặt:**

Yêu cầu bên B trước khi đấu vào hệ thống chung của KCN phải có hố ga và trước cửa xả phải có lưới chắn rác, (mắt lưới 5 cm), và không được lẫn nước thải. Sau khi đấu nối xong bên B phải hoàn trả lại mặt bằng hiện trạng đúng theo yêu cầu kỹ thuật ban đầu.

**2. Thoát nước thải:**

Khi thi công bên B phải có hố ga và trước khi đấu phải có lưới chắn rác, (mắt lưới 3cm). Cấp độ xả đạt cấp độ C, khối lượng = 80% chỉ số nước đầu vào và không được lẫn nước mặt. Cống đi qua đường phải là cống tải trọng C, khi lắp đặt chú ý bảo vệ các cơ sở kỹ thuật khác có trên lề đường.

**3. Cốt cao độ tại cửa xả:**

- Cốt dòng chảy thoát nước mặt:

+ Điểm 1 ..... 8.70 mét

+ Điểm 2 ..... 8.75 mét

- Cốt dòng chảy thoát nước thải:

+ Điểm 1 ..... 8.65 mét

+ Điểm 2 ..... 8.68 mét

4. Bên B cam kết vị trí xả, số lượng cửa xả đúng theo biên bản này đã nghi nhận. Trường hợp có cửa xả hoặc lối thoát nước thải khác trong phạm vi doanh nghiệp thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, cùng ngày. Biên bản này được lập thành 03 bản đã đọc lại cho các bên tham gia cùng nghe, các bên đã thống nhất và cùng ký vào biên bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi báo cáo BQL các KCN và CX Hà Nội.

Đại Diện Bên A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khắc Sơn

Đại Diện Bên B



GIÁM ĐỐC

Phạm Ngọc Khánh

CÔNG AN TP HÀ NỘI  
**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,  
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Số: 690 /NT-PCCC  
V/v chấp thuận kết quả  
nghiệm thu về PCCC

Mẫu số PC12  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: Công ty Cổ phần TATICO Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 1039/TD-PCCC ngày 12/11/2021, Công văn thẩm duyệt điều chỉnh thiết kế số 1410/TD-PCCC&CNCH ngày 19/10/2023 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an thành phố Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị số 0806/NT-PCCC ngày 08/6/2024 của Công ty Cổ phần TATICO Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Phan Quang Huy, Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 19/6/2024 của đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an huyện Mê Linh.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an thành phố Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Cải tạo nhà xưởng sản xuất với các nội dung sau:

- Địa điểm xây dựng: Lô 49C, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần TATICO Việt Nam.

- Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại và Đầu Tư Đông Nam Á.

- Đơn vị thi công: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tùng Mai, Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp Hà Thành.

- Quy mô công trình: Tổng diện tích khu đất khoảng 14.850m<sup>2</sup>, gồm: Nhà xưởng số 1 diện tích khoảng 4.500m<sup>2</sup>, 01 tầng; nhà xưởng số 2 diện tích khoảng 5.376m<sup>2</sup>, 01 tầng (bên trong các xưởng số 1, số 2 có sàn lửng - theo hồ sơ thiết kế và bản vẽ hoàn công có diện tích không vượt quá 40% diện tích sàn tầng dưới);



nhà xưởng số 3 diện tích khoảng 240m<sup>2</sup>, 01 tầng; các hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà ăn, lán tạm, mái vòm, nhà để dụng cụ chữa cháy, lán để máy bơm, bể nước PCCC.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan.
- Hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.
- Hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler; trang bị bình chữa cháy, dụng cụ phá dỡ thông thường.
- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;
- Duy trì liên tục các nội dung về giao thông, khoảng cách, giải pháp ngăn cháy, điều kiện thoát nạn và khả năng hoạt động thực tế của các phương tiện PCCC, hệ thống kỹ thuật liên quan được lắp đặt của công trình theo đúng như hồ sơ thiết kế được duyệt và theo như tại thời điểm kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC của chủ đầu tư, đảm bảo theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC;
- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị về duy trì các điều kiện đảm bảo an toàn PCCC nêu tại biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an huyện Mê Linh lập ngày 19/6/2024; thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP của Chính phủ;
- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định;
- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của hạng mục công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, về tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu PCCC, khối lượng, chất lượng thi công, lắp đặt hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác liên quan theo hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt; xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Việc kiểm tra của Cơ quan cảnh sát PCCC&CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình, hạng mục công trình theo quy định tại Điều

14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Dương Đức Hải - PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;  
(để báo cáo)
- Công an huyện Mê Linh;  
(để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2<sub>(Sơn)</sub>.

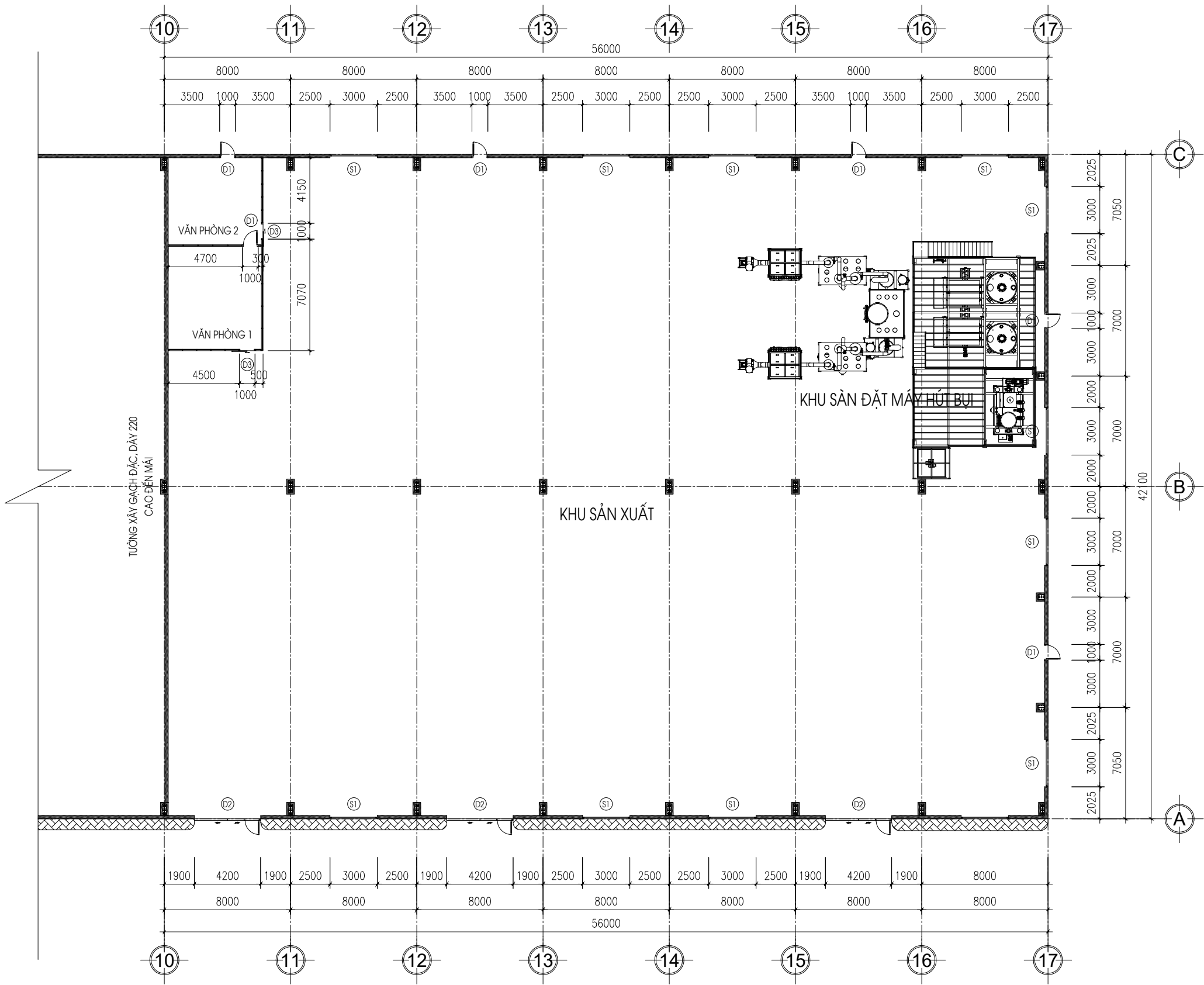


**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Thượng tá Nguyễn Tiến Nam**

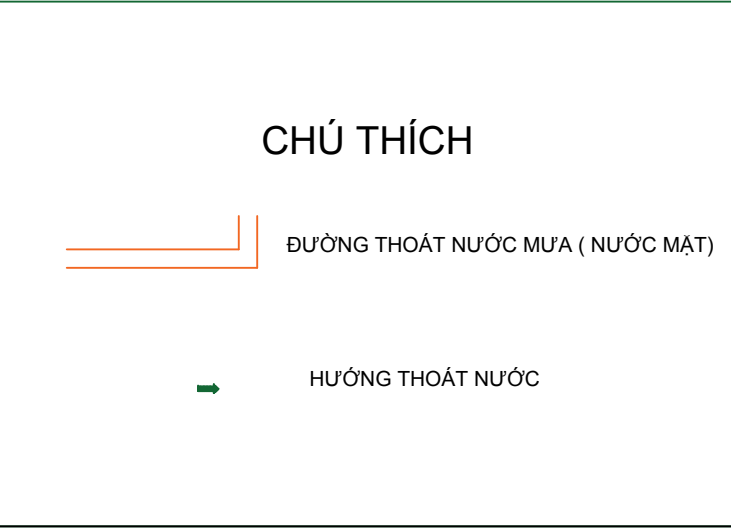
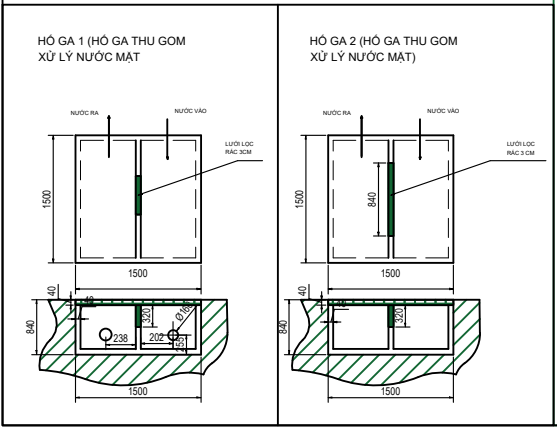
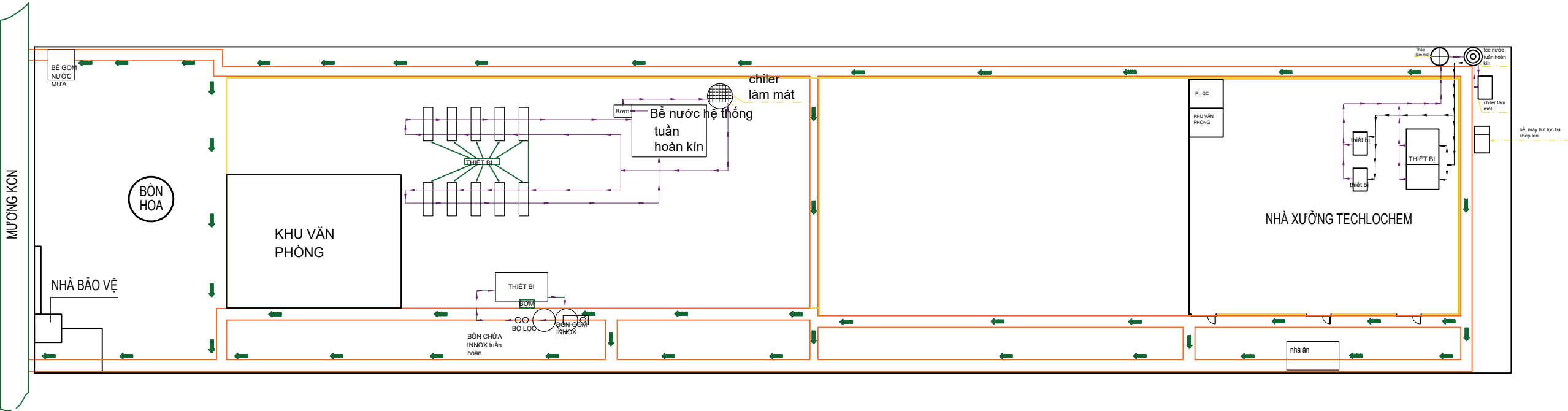




BẢN VẼ CHI TIẾT VỊ TRÍ CHO THUÊ

| HIỆU DẪN                                                                                                                                                             |      |          |       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|-------|
| LẦN                                                                                                                                                                  | NGÀY | THIẾT KẾ | DUYỆT |
|                                                                                                                                                                      |      |          |       |
|                                                                                                                                                                      |      |          |       |
| CHỦ ĐẦU TƯ                                                                                                                                                           |      |          |       |
| CÔNG TY CỔ PHẦN TATICO VIỆT NAM                                                                                                                                      |      |          |       |
| TÊN CÔNG TRÌNH                                                                                                                                                       |      |          |       |
| CẢI TẠO NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ                                                                                                                                           |      |          |       |
| ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG                                                                                                                                                    |      |          |       |
| LÔ 49 C, KCN QUANG MINH, P. MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI                                                                                                                |      |          |       |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ HTKT:                                                                                                                                                |      |          |       |
|                                                                                                                                                                      |      |          |       |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PCCC:                                                                                                                                                |      |          |       |
| <br>CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PCCC BẮC NAM                                           |      |          |       |
| ĐỊA CHỈ CÔNG TY:                                                                                                                                                     |      |          |       |
| BT 04 - LÔ 08 - KHU NHÀ Ở CỤC CẢNH SÁT HÌNH SỰ BỘ CÔNG AN, TIỂU KHU ĐÔ THỊ MỚI VĂN PHÚC, P. VĂN PHÚC, TP. HÀ NỘI<br>MST: 0110936200<br>EMAIL: PCBACNAM8386@GMAIL.COM |      |          |       |
| GIÁM ĐỐC                                                                                                                                                             |      |          |       |
| NGUYỄN DUY TRUNG                                                                                                                                                     |      |          |       |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ                                                                                                                                                     |      |          |       |
| TRẦN HỮU ĐẠT                                                                                                                                                         |      |          |       |
| THIẾT KẾ/ VẼ                                                                                                                                                         |      |          |       |
| PHẠM VIỆT ANH                                                                                                                                                        |      |          |       |
| KIỂM TRA                                                                                                                                                             |      |          |       |
| NGUYỄN VĂN HOÀN                                                                                                                                                      |      |          |       |
| HẠNG MỤC THIẾT KẾ                                                                                                                                                    |      |          |       |
| PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY                                                                                                                                                 |      |          |       |
| GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ                                                                                                                                                   |      |          |       |
| THIẾT KẾ THI CÔNG                                                                                                                                                    |      |          |       |
| TÊN BẢN VẼ                                                                                                                                                           |      |          |       |
| MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÔNG NĂNG VỊ TRÍ CHO THUÊ                                                                                                                            |      |          |       |
| NGÀY HOÀN THÀNH                                                                                                                                                      |      | 2025     |       |
| TỶ LỆ KHỔ GIẤY                                                                                                                                                       |      | A3       |       |
| SỐ BẢN VẼ                                                                                                                                                            |      | CN:01    |       |

# SƠ ĐỒ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA( NƯỚC MẶT)



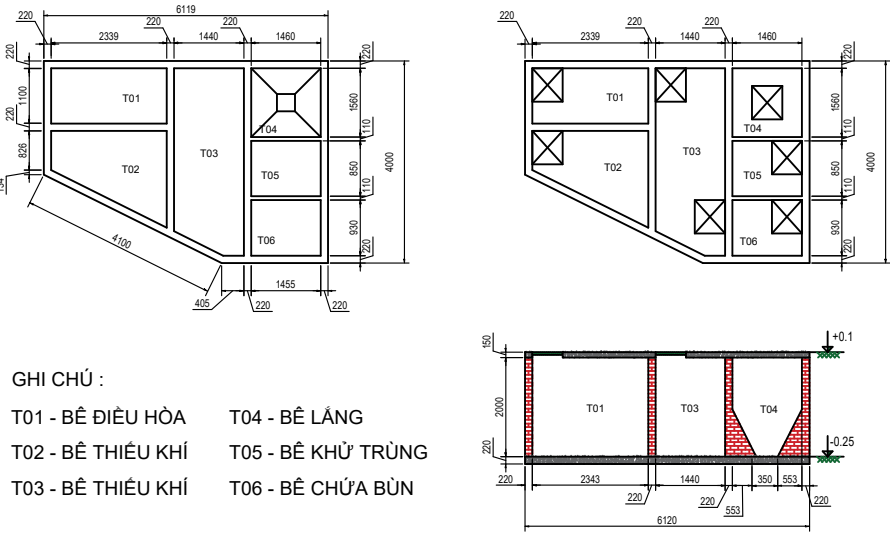
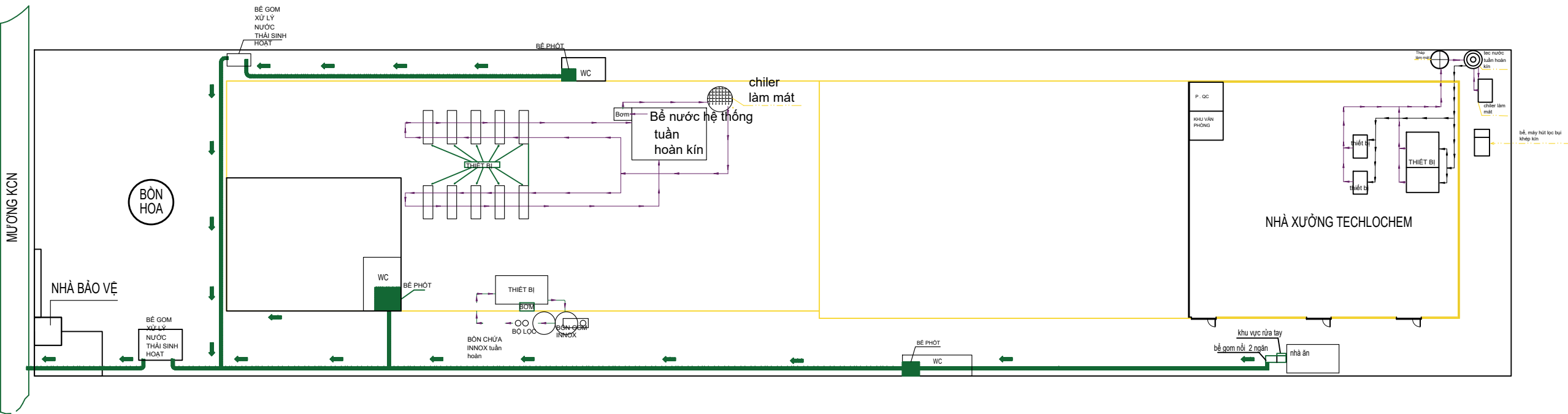
CÔNG TY CP  
TATICO VIỆT NAM

ĐC: Lô 49C- KCN  
Quang Minh-xã  
Quang Minh- Hà Nội

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG  
THOÁT NƯỚC MƯA



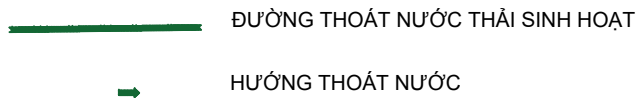
# SƠ ĐỒ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT



- GHI CHÚ :
- T01 - BỂ ĐIỀU HÒA
  - T02 - BỂ THIẾU KHÍ
  - T03 - BỂ THIẾU KHÍ
  - T04 - BỂ LẮNG
  - T05 - BỂ KHỬ TRÙNG
  - T06 - BỂ CHỨA BÙN

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

## CHÚ THÍCH



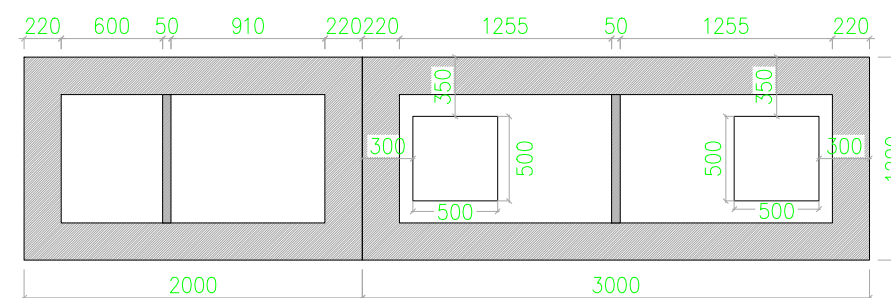
CÔNG TY CP  
TATICO VIỆT NAM

ĐC: Lô 49C- KCN  
Quang Minh-xã  
Quang Minh- Hà Nội

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG  
THOÁT NƯỚC SINH  
HOẠT







| TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG - DESIGN CONSULTANCY AND CONSTRUCTION                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                          | CÔNG TRÌNH - PROJECT | TÊN BẢN VẼ - DWG.TITLE | CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER | GIÁM SÁT - SUPERVISOR | P.GĐ - DEPUTY DIRECTOR | NGƯỜI VẼ - DRAWER | SỐ HIỆU         |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|-----------------|----|
| <br><b>NP-VIETNAM</b><br>FANS & BLOWERS | <b>NP-VIET NAM CO., JSC</b><br><br>L7-50 KDT Athena Fullland, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội<br>Tel : 024 85876178 Fax : 02432006636<br>Email: npme.jsc@gmail.com<br>Website: thonggiolammattvina.com - nakorn.vn - quathutcongnghepvina.com | LOCATION:            | HỆ THỐNG LÂM MÁT       |                    |                       | NGUYỄN HẢI NAM         | LÊ BÁ ĐẠT         | TỈ LỆ           | A3 |
|                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                          |                      |                        |                    |                       |                        |                   | NGÀY HOÀN THÀNH |    |
|                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                          |                      |                        |                    |                       |                        |                   | TRANG SỐ        |    |